TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 22-11-2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Thị T, sinh năm: 1997. Có mặt

Đoàn Phước N, sinh năm: 1988. Có mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã LT, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Trần Văn V, sinh năm: 1967. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969. Có mặt

Địa chỉ: Ấp VH, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đoàn Thị V, sinh năm: 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã LT, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Đoàn Phước N trình bày: Anh N khởi kiện để yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn V trả số tiền đã vay 80.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vào năm 2019 (không nhớ rõ ngày, tháng 9/2019) do chỗ quen biết nên vợ chồng anh N có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T (ở nhà thì vợ chồng anh N gọi là Thiếm Mười) vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, sau đó khoảng 01 tháng thì vợ chồng bà T tiếp tục vay thêm 40.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, hai bên mới làm biên nhận nợ ngày 24/10/2019 (âm lịch). Tổng cộng số tiền vay là 80.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên chỉ thỏa thuận đóng lãi hàng tháng, khi nào vợ chồng bà T có tiền thì trả tiền vốn. Đến thời hạn đóng lãi thì vợ chồng bà T không có đóng, anh N có yêu cầu trả thì vợ chồng bà T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện kéo dài cho đến nay. Nay anh N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền vay 80.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 24/10/2019 (âm lịch) đổi sang là 20/10/2019 (dương lịch) cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn Thị T thống nhất lời trình bày của chồng là anh N, không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Đoàn Thị V là cháu dâu của của bà T, vì cần tiền để trang trải cuộc sống gia đình nên bà T có nhờ V hỏi tiền dùm 02 lần, mỗi lần 40.000.000 đồng (tổng cộng 80.000.000 đồng), lần đầu V đưa tiền cho bà T, lần 2 là V và anh Đoàn Phước N đưa tiền cho bà T, khi đó bà T có ký tên vào giấy nợ cho anh N. Thời điểm vay thì ông V đi làm thuê nên không có ký tên trên biên nhận nợ, nhưng khoản vay này chồng bà T là ông Trần Văn V biết, lãi suất vay 4%/tháng. Từ thời điểm vay thì hàng tháng chị V đều đến nhà bà T để nhận tiền lãi. Ngày 09/5/2020 thì bà T có đưa cho V 80.000.000 đồng, V có làm tờ cam kết với bà T là V nhận số tiền trên và đưa lại cho anh N. Vì tin tưởng nên bà T mới không nhận lại biên nhận cũ trước đây bà T đã ký. Nay vợ chồng anh N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền trên thì bà không đồng ý vì bà đã trả đầy đủ cho chị V.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn Trần Văn V cũng thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị Thu.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị V trình bày: Chị V là em gái của anh Đoàn Phước N, bà Nguyễn Thị T là thím của chồng chị V. Năm 2019 bà T có nhờ chị V hỏi vay dùm 80.000.000

đồng. Vì vậy chị V mới giới thiệu bà T qua cho vợ chồng của anh ruột chị V là Đoàn Phước N và Thị T, cả 02 lần đưa tiền thì có mặt chị V, vợ chồng anh N và vợ chồng bà T, khi bà T nhận tiền thì có làm biên nhận với vợ chồng ông Nguyên, lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng. Việc bà T cho rằng chị V qua nhà bà T nhận tiền lãi hàng tháng là hoàn toàn không có.

Chị V có tham gia chơi đề do bà T làm chủ, do thua nhiều lần khoảng gần 80.000.000 đồng nên năm 2020 chị V sợ chồng biết, bà T mới đọc cho chị V viết tờ cam kết là chị V có nhận 80.000.000 đồng để trả cho anh N, trên thực tế thì chị V không có nhận số tiền trên của bà T. Nay số tiền mà chị V nợ của bà T thì chị xin trả từ từ, nếu bà T không đồng ý thì có quyền khởi kiện chị ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết, phần tiền bà T nợ của vợ chồng anh N thì bà T có trách nhiệm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Thị T và Đoàn Phước N khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Văn V, Nguyễn Thị T, địa chỉ ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trả số tiền đã vay theo biên nhân nợ, vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bị đơn Trần Văn V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ và Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung: Anh Đoàn Phước N và chị Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn V trả số tiền đã vay 80.000.000 đồng, bà T không đồng ý trả lý do số tiền trên bà đã đưa cho chị V là em gái của anh N, chị V có viết tờ cam kết có nhận số tiền trên để giao trả lại cho anh N. Do các bên thống thống nhất được cách trả nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền vay 80.000.000 đồng của các nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Thị T, Đoàn Phước N và bị đơn Nguyễn Thị T cùng thống nhất vợ chồng bà T có vay tiền 02 lần của vợ chồng anh N, tổng cộng 80.000.000 đồng, hai bên có làm

biên nhận nợ và ký tên ngày 24/10/2019 (âm lịch). Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3.2] Tại phiên tòa, bà T không đồng ý trả số tiền trên cho vợ chồng anh N, lý do số tiền trên bà đã đưa cho chị V để chị V giao trả lại cho anh N. Trong trường hợp nếu vợ chồng anh N không thừa nhận và yêu cầu bà trả lại số tiền trên thì bà cũng đồng ý, nhưng với điều kiện chị V phải trả lại tiền cho bà thì bà mới đồng ý trả lại tiền cho vợ chồng anh N.

[3.3] Xét tờ cam kết ngày 09/5/2020 giữa bà T và chị V: Nội dung tờ cam kết ghi nhận chị V có nhận 80.000.000 đồng của bà T và có trách nhiệm giao trả lại cho vợ chồng anh N, có chữ ký của chị V và bà T ở cuối tờ cam kết. Tại phiên tòa người liên quan Đoàn Thị V cho rằng do chị chơi đề với bà T nên thua lỗ gần 80.000.000 đồng nên chị mới làm tờ cam kết với bà T, chứ thực chất chị không có nhận số tiền 80.000.000 đồng của bà T để về trả cho anh N. Tờ cam kết trên chỉ có chị V và bà T ký tên, không có chữ ký của anh N và chị T. Anh N và chị T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều khẳng định không nhận được bất cứ khoản tiền nào như lời trình bày của bà T, vợ chồng cũng không nhận được thông báo nào của bà T về việc chuyển tiền 80.000.000 đồng cho V, nay biên nhận nợ bà T là người ký với vợ chồng anh thì anh yêu cầu vợ chồng bà T trả lại số tiền đã vay theo biên nhận nợ. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà T là người trực tiếp đi vay và nhận tiền của vợ chồng anh N, vì vậy vợ chồng bà T phải có nghĩa vụ trả tiền trực tiếp cho anh N, trong trường hợp vợ chồng bà T muốn chuyển giao nghĩa vụ trả tiền thì cần được sự đồng ý của vợ chồng anh N. Tại phiên tòa bà T cũng thừa nhận vì tin tưởng nên khi bà T đưa tiền cho chị V thì bà T không có thông báo cho vợ chồng anh N biết, do đó việc bà T lấy lý do đã đưa tiền cho V để từ chối nghĩa vụ trả tiền đối với anh N và chị T là không có cơ sở.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..",*

Do đó việc nguyên đơn Thị T và Đoàn Phước N khởi kiện yêu cầu bà T và ông V có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay 80.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Dành quyền khởi kiện cho bà T đối với chị V về số tiền 80.000.000 đồng, khi có yêu cầu.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

[5.1] Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm*

trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Đối với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".*

[5.2] Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị T cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, bà T đóng lãi hàng tháng cho chị V. Tuy nhiên lời khai của bà T không được phía vợ chồng bà T cũng như chị V thừa nhận, bà T cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho rằng có đóng lãi hàng tháng cho phía nguyên đơn, do đó lời khai của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức lãi suất: Nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay lãi suất 2%/tháng; Bị đơn cho rằng vay lãi suất 4%/tháng; Biên nhận nợ không ghi mức lãi suất là bao nhiêu. Như vậy căn cứ vào quy định trên, ấn định mức lãi suất mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Tính từ thời điểm vay 24/10/2019 (al) tức ngày 20/11/2019 (dl) đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 22/11/2022 là 03 năm 0 tháng 02 ngày.

80.000.000 đồng x 03 năm 02 ngày x 0,83%/tháng = 23.848.263 đồng

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là:

80.000.000 đồng + 23.848.263 đồng = 103.948.267 đồng.

Như vậy, tổng cộng phần tiền vốn và lãi các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 103.948.267^{đ} (*Một trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm sáu bảy đồng*).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thị T và Đoàn Phước N.

Buộc bị đơn Trần Văn V và Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay còn nợ là 103.948.267đ (*Một trăm lẻ ba triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng)*, (trong đó tiền vốn vay 80.000.000 đồng và 23.848.263 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị T đối với chị Đoàn Thị V về số tiền 80.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 09/5/2020 khi có yêu cầu.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu số tiền 5.197.413đ (*Năm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm mười ba đồng)*. Nguyên đơn ThịT ruyền, Đoàn Phước Nguyên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (*hai triệu đồng)* theo biên lai số 0002936 lập ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CCTHADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS;